

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN
PHÁT BP**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN PHÁT BP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP ĐT XD TM DV TOÀN PHÁT BP

2. Mã số doanh nghiệp: 3801258616

3. Ngày thành lập: 10/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

16 Nơ Trang Long, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt
Nam

Điện thoại: 0979.911.332

Fax:

Email: diaoctoanphatbp@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây cà phê	0126
15.	Trồng cây chè	0127
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
17.	Trồng cây lâu năm khác	0129
18.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
19.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
20.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
21.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
22.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

23.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Chăn nuôi khác	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác gỗ	0220
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
35.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
51.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
60.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
64.	Giáo dục nhà trẻ	8511
65.	Giáo dục mẫu giáo	8512
66.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
67.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
68.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
69.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
70.	Trồng cây hàng năm khác	0119
71.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ NGỌC TRƯỜNG	Khu phố 2, Phường Tiên Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	7.200.000.000	24,000	094088001675	
			Tổng số	24.000	7.200.000.000	24,000		
2	NGUYỄN HỮU DÂN	Thôn Tân Hiệp 1, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	4.500.000.000	15,000	038090025022	
			Tổng số	15.000	4.500.000.000	15,000		
3	NGUYỄN HỮU TIỀN	Thôn Tân Hiệp 1, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	1.500.000.000	5,000	038093022036	
			Tổng số	5.000	1.500.000.000	5,000		

4	NGUYỄN HỮU QUÂN	Khu Phố Phú Xuân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	15.300.000.000	51,000	285285038	
			Tổng số	51.000	15.300.000.000	51,000		
5	LÝ THÀNH LONG	Thôn Sơn Lập, Xã Thọ Sơn, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	1.500.000.000	5,000	285545710	
			Tổng số	5.000	1.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 12/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 285285038

Ngày cấp: 19/03/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Địa chỉ thường trú: Khu Phố Phú Xuân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Phố Phú Xuân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước